

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 119/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26/12/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Yến;

- Bà Vũ Thị Nết.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:** Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Phương T, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn X, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đỗ Thị Phương T trình bày:*

Chị và anh N kết hôn ngày 08/3/2019, trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L. Sau

khi cưới, chị và anh N về ở với nhau ngay, hai vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian dài và đã có 1 con chung là: Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 28/7/2019.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Từ năm 2020 hai vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi nhau, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành và chị quyết định ly thân với anh N từ năm 2020 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh N có 1 con chung như trình bày ở trên. Nếu ly hôn, chị xin nuôi con chung, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Để chị và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh và chị T ly thân đã lâu, chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 28/7/2019; ly hôn, anh đồng ý để chị T nuôi chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án; nguyên đơn và bị đơn cùng xin vắng mặt.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị Phương T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao cho Đỗ Thị Phương Thanh T1 nuôi con chung: Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 28/7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra xem xét.

Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Về tài sản: Không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Đỗ Thị Phương T có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn N và giải quyết về con chung. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đỗ Thị Phương T và anh Nguyễn Văn N kết hôn ngày 08/3/2019 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T và anh N về ở với nhau ngay, hai người sống hạnh phúc một thời gian và đã có 1 con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Là do trong cuộc sống giữa chị T và anh N có quan điểm sống khác nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm. Đến năm 2020 thì chị T và anh N sống ly thân, hai bên đã được gia đình hòa giải, nhưng không thành. Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị T và anh N về đoàn tụ. Tuy nhiên chị T không đồng ý và N vắng mặt, không tham gia hoà giải; chị T xác định không còn tình cảm với anh N và cương quyết xin ly hôn; còn anh N cũng đồng ý ly hôn. Như vậy cả hai đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng.

Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị T được ly hôn anh N.

[5] Về con chung: Chị T và anh N có 1 con chung là Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 28/7/2019. Hiện chị T đang nuôi. Ly hôn chị T xin nuôi con chung; anh N cũng đồng ý giao con chung cho chị T nuôi. Do đó cần giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con cho phù hợp, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 của BLTTDS.

Chị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 56, 82, 83, 84, 107, 110, và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị Phương T được ly hôn anh Nguyễn Văn N

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 28/7/2019 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Tiền án phí được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008531 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí

4. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Chu Điện, huyện Lục Nam, BG;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh